

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

**MST: 0900613295**

===== \* \* \* =====

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

*NĂM 2020*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>413,952,401,586</b>	<b>475,728,220,289.0</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>16,103,639,995</b>	<b>18,368,970,972</b>
1. Tiền	111		16,103,639,995	18,368,970,972
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>240,048,306,209</b>	<b>213,369,315,709</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	217,737,388,731	165,461,158,119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	26,197,572,287	51,775,987,599
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	192,307,004	211,131,804
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(4,078,961,813)	(4,078,961,813)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>156,949,894,803</b>	<b>225,279,241,119</b>
1. Hàng tồn kho	141		156,949,894,803	225,279,241,119
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>850,560,579</b>	<b>8,710,692,489</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	228,443,726	274,698,843
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		565,150,188	8,377,857,148
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	58,136,498
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>190,117,012,089</b>	<b>191,754,112,646</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>51,510,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	-	51,510,000,000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
 (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78,502,791,716</b>	<b>81,208,785,247</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	74,654,804,191	77,057,009,232
- Nguyên giá	222		133,207,192,022	133,044,749,222
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(58,552,387,831)	(55,987,739,990)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		3,847,987,525	4,151,776,015
- Nguyên giá	225		4,860,615,825	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(1,012,628,300)	(708,839,810)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>56,654,844,987</b>	<b>56,654,844,987</b>
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>53,003,533,569</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53,003,533,569	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,955,841,817</b>	<b>2,380,482,412</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1,955,841,817	2,380,482,412
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>604,069,413,675</b>	<b>667,482,332,935</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>279,468,152,049</b>	<b>345,094,765,392</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>276,786,902,049</b>	<b>342,207,265,392</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	81,829,357,483	132,298,197,643
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	366,932,912	14,370,466,569
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1,098,177,778	413,389,184
4. Phải trả người lao động	314		285,491,000	305,980,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1,974,513,071	(1,317,568,653)
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HIDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	23,476,030	5,783,884,365
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	191,208,953,775	190,352,916,284
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2,681,250,000</b>	<b>2,887,500,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2,681,250,000	2,887,500,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>324,601,261,626</b>	<b>322,387,567,543</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>324,601,261,626</b>	<b>322,387,567,543</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255,000,000,000	255,000,000,000
- Ngân sách	411A		255,000,000,000	255,000,000,000
- Tự bổ sung	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69,601,261,626	67,387,567,543
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66,352,574,239	66,352,574,239
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,248,687,387	1,034,993,304
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>604,069,413,675</b>	<b>667,482,332,935</b>

Người lập biểu

Cao Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Dương Thị Thanh Hải

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Trung Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**  
 Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, TX Mỹ Hào,  
 tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính  
 Quý II năm 2020

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý II năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	245,006,398,063	423,769,729,517	451,202,505,152	687,995,694,188
2. Các khoản giảm trừ	02		162,676,482	146,625,797	196,628,874	146,625,797
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		244,843,721,581	423,623,103,720	451,005,876,278	687,849,068,391
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236,420,703,151	409,143,995,046	436,348,441,585	661,479,791,307
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8,423,018,430	14,479,108,674	14,657,434,693	26,369,277,084
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,896,334,791	785,481,279	4,668,594,021	786,102,011
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,141,731,196	5,325,116,353	9,727,515,479	8,664,165,803
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,030,923,969	4,944,362,365	9,616,708,232	8,283,411,815
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	644,222,531	336,260,067	1,380,395,309	960,829,230
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,365,787,916	4,704,765,293	2,757,245,238	6,314,302,069
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4,167,611,578	4,898,448,240	5,460,872,688	11,216,081,993
11. Thu nhập khác	31	VI.7	57,460,178	579,990,687	63,148,330	579,990,687
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,134,589,079	765,970,065	1,138,755,185	781,049,895

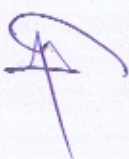
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**  
 Địa chỉ: TDP Tư Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, TX Mỹ Hào,  
 tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính  
 Quý II năm 2020


13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,077,128,901)	(185,979,378)	(1,075,606,855)	(201,059,208)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3,090,482,677	4,712,468,862	4,385,265,833	11,015,022,785
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.9	876,788,594	1,181,580,241	1,136,578,446	2,416,137,550
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2,213,694,083	3,530,888,621	3,248,687,387	8,598,885,235
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	86,81	138,47	127,40	337,21

Hưng Yên, Ngày 20 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

  
 Cao Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

  
 Dương Thị Thanh Hải



Tổng giám đốc

  
 Trương Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Quý 2 năm 2020

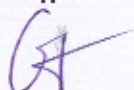
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II/2020	Quý I/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>95,300,413,315</b>	<b>17,959,587,722</b>
1. Lợi nhuận trước thuế		3,090,482,677	1,294,783,156
2. Điều chỉnh cho các khoản		3,999,581,141	6,638,279,085
+ Khấu hao tài sản cố định		2,826,410,498	2,830,035,498
+ Các khoản dự phòng			
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(113,373,006)	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,756,921,016)	(765,000,000)
+ Chi phí lãi vay		5,043,464,665	4,573,243,587
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7,090,063,818	7,933,062,241
(Tăng)/giảm các khoản phải thu		122,400,169,586	(20,039,633,887)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho		68,329,346,316	(50,266,816,123)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(98,150,047,254)	84,262,026,004
(Tăng)/giảm chi phí trả trước		1,085,908,086	(307,506,187)
Tiền lãi vay đã trả		(5,263,027,237)	(3,621,544,326)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(192,000,000)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>95,300,413,315</b>	<b>17,959,587,722</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(98,215,531,783)</b>	<b>262,259,230</b>
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác			
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(100,000,000,000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,999,340,000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(214,871,783)	262,259,230
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>649,787,491</b>	<b>(1,074,044,609)</b>
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		40,691,325,140	126,741,422,116
Tiền chi trả nợ gốc vay		(39,835,287,649)	(127,609,216,725)
Tiền chi trả nợ thuế (tài chính)		(206,250,000)	(206,250,000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(2,265,330,977)</b>	<b>17,147,802,343</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>18,368,970,972</b>	<b>1,221,168,629</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>16,103,639,995</b>	<b>18,368,970,972</b>

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2020

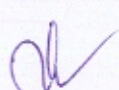
Người lập biểu

Cao Thị Hải Yến



Kế toán trưởng

Dương Thị Thanh Hải



Tổng Giám đốc

Trần Trường Dũng





## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 2 năm 2020**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 56 nhân viên đang làm việc

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

#### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **13. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	779.766.248	1.980.936.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.323.873.747	16.388.034.906
<b>Cộng</b>	<b>16.103.639.995</b>	<b>18.368.970.972</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công Ty Cp Quốc Tế Đông Á	76.834.609.752	0
Công Ty CP Sản Xuất Thép Vina	118.757.768	51.955.649.631
Công Ty CP Đầu Tư Và XD Thủ Đô	1.950.829.728	4.750.829.728
Công Ty CP KPT Việt Nam	26.371.374.366	45.433.978.936
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Lộc Phát	12.419.561.172	
Bùi Thị Phương Thúy	25.671.000.000	
Bùi Thị Yến	23.800.660.000	
Công ty cổ phần Kosy		4.951.620.698
Công ty CP Canes		3.064.966.143
ASIAN IMPEX LTD	26.569.250.092	26.455.877.086
Các khách hàng khác	24.001.345.853	28.848.235.897
<b>Cộng</b>	<b>217.737.388.731</b>	<b>165.461.158.119</b>

Đến thời điểm hiện tại, công nợ phải thu của Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh với các đối tác Bùi Thị Phương Thúy và Bùi Thị Yến đã được thu hồi hết.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Global Posco Co.,LTD	23.608.690.084	23.760.747.617
Công ty CP Quốc Tế Đông Á	0	9.677.820.879
CÔNG TY TNHH IPS ENGINEERING	1.660.500.000	
Công ty cổ phần thương mại Citicom		16.284.808.135
Các nhà cung cấp khác	928.382.203	2.052.610.968
<b>Cộng</b>	<b>26.197.572.287</b>	<b>51.775.987.599</b>

**Phải thu về cho vay ngắn hạn**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
<b>Cộng</b>		

**4. Phải thu khác:****a. Phải thu ngắn hạn khác:**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	22.000.000	40.824.800
Ký quỹ, ký cược	170.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>192.307.004</b>	<b>10.211.131.804</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### b. Phải thu dài hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Ông Nguyễn Văn Nghĩa		40.400.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn		4.545.000.000
Ông Trần Minh Hoan		6.565.000.000
<b>Cộng</b>		<b>51.510.000.000</b>

(1): Đây là các Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05122019//HTKD-PA ngày 05 tháng 12 năm 2019, số tiền hợp tác là 40.000.000.000 đồng, có thời hạn là 18 tháng kể từ ngày Công ty (Bên A) chuyển tiền với cá nhân Ông Nguyễn Văn Nghĩa (Bên B), về việc Bên A đồng ý cho Bên B thực hiện việc quản lý và đầu tư vào các lĩnh vực mà Bên B được phép đầu tư theo quy định của Pháp luật. Cụ thể, Bên B sẽ đầu tư mua lô đất có diện tích 373 m<sup>2</sup> tại Bản đồ số 03, số thửa đất 24 Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội. Giao dịch được này được thực hiện bằng tiền mặt.

(2): Đây là các Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06122019//HTKD-PA ngày 26 tháng 12 năm 2019, số tiền hợp tác là 4.500.000.000 đồng, có thời hạn là 18 tháng kể từ ngày Công ty (Bên A) chuyển tiền với cá nhân Ông Nguyễn Văn Tuấn (Bên B), về việc Bên A đồng ý cho Bên B thực hiện việc quản lý và đầu tư vào các lĩnh vực mà Bên B được phép đầu tư theo quy định của Pháp luật. Cụ thể, Bên B sẽ đầu tư mua lô đất có diện tích 36,2 m<sup>2</sup> địa chỉ tại Đường Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội. Giao dịch được này được thực hiện bằng tiền mặt.

(3): Đây là các Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01022020//HTKD-PA ngày 01 tháng 02 năm 2020, số tiền hợp tác là 6.500.000.000 đồng, có thời hạn là 18 tháng kể từ ngày Công ty (Bên A) chuyển tiền với cá nhân Ông Trần Minh Hoan (Bên B), về việc Bên A đồng ý cho Bên B thực hiện việc quản lý và đầu tư vào các lĩnh vực mà Bên B được phép đầu tư theo quy định của Pháp luật. Cụ thể, Bên B sẽ đầu tư mua thửa đất AQ 058083 tại Địa Đưng, Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội diện tích 84.28m<sup>2</sup>. Giao dịch được này được thực hiện bằng tiền mặt.

Đến hết ngày 30/06/2020, Công ty cổ phần quốc tế Phương Anh đã thu hồi đủ cả gốc lẫn lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư với các đối tác nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Nợ xấu**

Các bên liên quan	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
<b>Dư Nợ 131</b>	<b>3.851.486.440</b>	<b>678.174.627</b>	<b>3.851.486.440</b>	<b>678.174.627</b>
Công Ty TNHH TMDV Thép Đại Thành Phát SG	2.260.582.089	678.174.627	2.260.582.089	678.174.627
Công Ty CP TSC HN	519.868.800		519.868.800	
Công Ty TNHH TM và KK Minh Hiếu	460.224.740		460.224.740	
Công Ty TNHH SX TM Lâm Quan Thanh	421.548.384		421.548.384	
Công Ty CP Vật Liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427		189.262.427	
<b>Dư nợ 331</b>	<b>1.735.900.000</b>	<b>830.250.000</b>	<b>1.735.900.000</b>	<b>830.250.000</b>
Công Ty TNHH TV Quản Lý, PT DN	20.400.000		20.400.000	
TT xúc Tiến DN	22.000.000		22.000.000	
Công Ty IPS	1.660.500.000	830.250.000	1.660.500.000	830.250.000
Công Ty Chứng khoán hoàng gia	33.000.000		33.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>5.587.386.440</b>	<b>1.508.424.627</b>	<b>5.587.386.440</b>	<b>1.508.424.627</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	1.498.361.845	1.290.461.667
Công cụ, dụng cụ	458.318.108	462.618.108
Thành phẩm	13.997.894.861	9.056.478.988
Hàng hóa	140.995.319.989	214.469.682.356
<b>Cộng</b>	<b>156.949.894.803</b>	<b>225.279.241.119</b>

\* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/6/2020: 0 VND

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm tài các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2020: 0 VND

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	152.178.234	115.870.076
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		
Chi phí bảo hiểm		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	76.265.492	158.828.767
<b>Cộng</b>	<b>228.443.726</b>	<b>274.698.843</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.624.846.611	1.771.828.837
Chi phí sửa chữa		
Chi phí bảo hiểm		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	330.995.206	608.653.575
<b>Cộng</b>	<b>1.955.841.817</b>	<b>2.380.482.412</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tư Mỹ, Phường Phường Chi Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	67.511.373.854	55.971.585.479	8.706.753.636	293.308.980	561.727.273	133.044.749.222
Mua trong kỳ		162.442.800				162.442.800
Số cuối kỳ	67.511.373.854	56.134.028.279	8.706.753.636	293.308.980	561.727.273	133.207.192.022
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu kỳ	14.706.345.486	35.154.301.267	5.524.211.985	293.308.980	309.572.272	55.987.739.990
Khấu hao	730.104.366	1.434.175.178	316.316.628		84.051.669	2.564.647.841
Số cuối kỳ	15.436.449.852	36.588.476.445	5.840.528.613	293.308.980	393.623.941	58.552.387.831
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	52.805.028.368	20.817.284.212	3.182.541.651		252.155.001	77.057.009.232
Số cuối kỳ	52.074.924.002	19.545.551.834	2.866.225.023		168.103.332	74.654.804.191

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 19.108.686.110 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (là Quyền sử dụng đất)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thửa số 99 tại Đà Nẵng. diện tích 2.002.9 m <sup>2</sup>	25.073.061.987	25.073.061.987
Quyền sử dụng đất lô BA645774 thửa đất số 18 tại Đà Nẵng. diện tích 1.052.2 m <sup>2</sup>	31.581.783.000	31.581.783.000
<b>Cộng</b>	<b>56.654.844.987</b>	<b>56.654.844.987</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá các bất động sản đầu tư hiện không bị suy giảm giá trị so với giá thị trường.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định			
Xây dựng cơ bản dở dang			
Công trình XD nhà máy PA giai đoạn 2			
<b>Cộng</b>			

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công Ty TNHH Marubeni itochu	21.978.422.407	16.670.670.336
Công Ty CP PSG Việt Nam	0	0
Công Ty CP Falcon Holding VN	0	5.387.504.571
Công ty cổ phần thép Sài Gòn	39.202.592.969	
Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam		72.839.662.266
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Việt Bi		13.909.139.483
Công Ty Cổ Phần Enteco Việt Nam	5.373.608.971	
Các nhà cung cấp khác	15.274.733.136	23.491.220.987
<b>Cộng</b>	<b>81.829.357.483</b>	<b>132.298.197.643</b>

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Asian		1.955.698.059
Công ty Thép Sài Gòn		12.974.284.551
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Blue Earth Việt Nam	155.041.592	
Các khách hàng khác	211.891.320	306.090.728
<b>Cộng</b>	<b>366.932.912</b>	<b>14.623.891.882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế GTGT hàng bán nội địa	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-23.829.364			-23.829.364
Thuế xuất. nhập khẩu	-34.307.134	1.169.833		-33.137.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	393.589.184	876.788.594	192.000.000	1.078.377.778
Tiền thuê đất				
Các loại thuế khác	19.800.000			19.800.000
<b>Cộng</b>	<b>355.252.686</b>	<b>877.958.427</b>	<b>192.000.000</b>	<b>1.041.211.113</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa, dịch vụ	10%

**Thuế xuất. nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí lãi vay phải trả.

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

Phải trả các bên liên quan	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	7.567.000	27.860.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	0	37.647.648
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.909.030	5.718.376.717
<b>Cộng</b>	<b>23.476.030</b>	<b>5.783.884.365</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Vay ngắn hạn**

<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội <sup>(i)</sup>	99.982.554.629	98.516.687.474
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội <sup>(ii)</sup>	91.226.399.146	91.836.228.810
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê TC ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN ( VCB)	2.681.250.000	2.887.500.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	0	
<b>Cộng</b>	<b>193.890.203.775</b>	<b>193.240.416.284</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số IIDTD1002019150 ngày 23 tháng 10 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động cho quá trình sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 1 năm từ ngày 23 tháng 10 năm 2019. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi trên từng giấy nhận nợ và cố định suốt thời gian nhận nợ đối với từng lần nhận nợ, trả lãi vay vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc theo GCN quyền sử dụng đất. Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 992090 do UBND TP.Đà Nẵng cấp cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Thăng Long, đã chuyển nhượng cho Công ty CP Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/7/2016; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07 địa chỉ Phường Phùng Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 561470 bao gồm: Nhà bảo vệ, Nhà điều hành, Nhà xưởng, Nhà để xe, Nhà ăn, Trạm bơm, Kho phụ trợ, Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, biển kiểm soát 30A-899.09, xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 89C-079.56.
- (ii) Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 22/2020/HDHM - PN/SHB.112500 ngày 03 tháng 02 năm 2020. Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thép không gỉ/inox/thép đen (thanh toán tiền mua hàng). Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 03/02/2020. Thời hạn vay của mỗi khoản vay thuộc hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại các Khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ được lập cho mỗi lần rút vốn vay theo hạn mức tín dụng và lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại từng Khế ước nhận nợ.
- (iii) Hợp đồng cho thuê tài chính số 39.19.03/CTTC giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam và Công ty CP Quốc Tế Phương Anh ngày 29/8/2019. Tài sản: Máy xén xoay Mini Rotary Shear Machine, nhãn hiệu Amada. Chất lượng đã qua sử dụng, sản xuất năm 2010. Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất: Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty CP Quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng với biên độ 2,2%/năm. Thời hạn thuê: 48 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm do chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	190.352.916.284		856.037.491		191.208.953.775
Vay ngắn hạn tổ chức khác	2.887.500.000		206.250.000		2.681.250.000
Vay ngắn hạn các cá nhân					
<b>Cộng</b>	<b>193.240.416.284</b>		<b>1.062.287.491</b>		<b>193.890.203.775</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	255.000.000.000	66.352.574.239	321.352.574.239
Lợi nhuận trong kỳ này		3.248.687.387	3.248.687.387
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>69.601.261.626</b>	<b>324.601.261.626</b>

**17b. Cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	243.808.668.289	419.181.535.469
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.197.729.774	4.588.194.048
Doanh thu bán bất động sản đầu tư		
<b>Cộng</b>	<b>245.006.398.063</b>	<b>423.769.729.517</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Hàng bán bị trả lại	162.676.482	146.625.797
Giảm giá hàng bán		
<b>Cộng</b>	<b>162.676.482</b>	<b>146.625.797</b>

**20. Giá vốn hàng bán**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	234.643.699.867	408.339.576.847
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.777.003.284	804.418.199
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
<b>Cộng</b>	<b>236.420.703.151</b>	<b>409.143.995.046</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.128.217	444.204
Lãi tiền cho vay và hợp tác kinh doanh	3.709.533.568	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	146.673.006	785.037.075
<b>Cộng</b>	<b>3.896.334.791</b>	<b>785.481.279</b>

**22. Chi phí tài chính**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí lãi vay	6.141.731.196	4.767.569.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		349.268.908
Lãi chậm trả		31.485.080
<b>Cộng</b>	<b>6.141.731.196</b>	<b>5.148.323.141</b>

**23. Chi phí bán hàng**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí cho nhân viên	332.002.000	82.623.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.510.567	117.510.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.709.964	136.126.000
<b>Cộng</b>	<b>644.222.531</b>	<b>336.260.067</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí cho nhân viên	471.974.023	329.498.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.936.132	54.252.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.357.465	226.812.693
Thuế, phí và lệ phí	4.550.000	
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi		625.595.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.747.731	169.539.815
Hoàn nhập nhập dự phòng		-1.118.128
Các chi phí khác	524.222.565	3.300.185.619
<b>Cộng</b>	<b>1.365.787.916</b>	<b>4.704.765.293</b>

**25. Thu nhập khác**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
Linh kiện được khuyến mại		
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác	57.460.178	579.990.687
<b>Cộng</b>	<b>57.460.178</b>	<b>579.990.687</b>

**26. Chi phí khác**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
Lãi chậm nộp		
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Tiền đền bù hàng bị lỗi		
Khấu hao các TSCD không sử dụng		
Chi phí khác	1.134.589.079	765.970.065
<b>Cộng</b>	<b>1.134.589.079</b>	<b>765.970.065</b>

**27. Lãi trên cổ phiếu***Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.213.694.083	3.530.888.621
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.213.694.083	3.530.888.621
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.500.000	25.500.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>86.81</b>	<b>138.47</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.178.556	35.919.052.774
Chi phí nhân công	803.976.023	1.058.882.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.868.032	2.341.525.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.918.683	332.210.248
Chi phí khác	543.069.153	3.492.833.588
Trích lập dự phòng		625.595.145
Hoàn nhập dự phòng		-1.118.128
<b>Cộng</b>	<b>2.010.010.447</b>	<b>43.768.981.453</b>

**VII. NIỀNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 7 năm 2020



Cao Thị Hải Yến  
Người lập biểu



Dương Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trần Trung Dũng  
Tổng Giám đốc